

Bản án số: 05/2021/HS-ST

Ngày: 18-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Trần Thanh Bài.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Phạm Nho Thành;

2// Nguyễn Tuấn Anh.

Thư ký phiên tòa: 2/ Phạm Đức Anh, Thư ký Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội;

Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội tham gia phiên tòa: 3// Đinh Văn Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2020/TLST - HS ngày 23 tháng 12 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 02 năm 2021, đối với bị cáo:

Đào Trọng T; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày 13 tháng 10 năm 1984 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn E, xã M, huyện R, tỉnh Thanh Hóa; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 3/, Trung đội trưởng, Tiểu đoàn A, Lữ đoàn B - Bộ C; văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Trọng N và bà Vũ Thị L; có vợ là Lê Thị T1 và 01 con sinh năm 2013; tiền sự: không; tiền án: không; về nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú: Có mặt.

- ***Bị hại:*** Ngân hàng Y; Địa chỉ: Tòa nhà Q, số 210 đường K, phường G, quận H, Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện theo ủy quyền của bị hại:*** Ông Phùng Ngọc D; nghề nghiệp: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Sơn Tây.

- ***Đại diện theo ủy quyền lại:*** Ông Trần Đức H, sinh năm 1986; nghề nghiệp: Trưởng phòng hỗ trợ hoạt động, Ngân hàng Y - Chi nhánh Y1, địa chỉ: số 205-207 phố V, phường X, thị xã S, Hà Nội: Có mặt.

- ***Những người làm chứng:***

1. Nguyễn Thị Bích T2: Vắng mặt;

2. Nguyễn Tiến P: Vắng mặt;

3. Bùi Thị L1: Vắng mặt;

4. Bùi Văn H1: Có mặt;

5. Nguyễn Như T3: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11 năm 2016, Đào Trọng T do cần tiền để chi tiêu cá nhân và trả nợ nên Đào Trọng T đã liên hệ trao đổi với chị Nguyễn Thị Bích T2 là chuyên viên khách hàng của Phòng khách hàng thuộc Ngân hàng Y- Chi nhánh Y1 để vay tiền. Qua trao đổi, chị Nguyễn Thị Bích T2 cho T biết với mức lương của T có thể vay tín chấp được số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó T2 yêu cầu T cung cấp bản phô tô các giấy tờ: Giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh sĩ quan, quyết định thăng quân hàm, mức lương, xác nhận nơi công tác để làm hồ sơ vay vốn Ngân hàng và T2 là người được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ vay vốn của Đào Trọng T.

Do Đào Trọng T biết chỉ huy đơn vị Tiểu đoàn A, Lữ đoàn B - Bộ C không ký xác nhận cho cán bộ, chiến sĩ làm hồ sơ vay vốn của Ngân hàng nên Đào Trọng T đã làm giả phần xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác trong Giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án trả nợ đề ngày 22/11/2016 và Đơn xin xác nhận đề ngày 09/11/2016 bằng cách: Đào Trọng T đã lợi dụng sơ hở vào phòng văn thư của Tiểu đoàn, lấy dấu tròn của Tiểu đoàn A, Lữ đoàn B - Bộ C đóng vào các Giấy trên, lấy dấu tên của đồng chí Nguyễn Như T3, Chính trị viên phó Tiểu đoàn đóng vào phía dưới của dấu tròn Tiểu đoàn A trong Giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án trả nợ, lấy dấu tên của đồng chí Bùi Văn H1 - Phó Tiểu đoàn trưởng, Tham mưu trưởng đóng vào phía dưới của dấu tròn Tiểu đoàn A trong Đơn xác nhận, sau đó Đào Trọng T tự ký giả chữ ký của đồng chí Nguyễn Như T3 và đồng chí Bùi Văn H1 vào hai giấy trên để hoàn thiện hồ sơ vay tiền giao cho chị Nguyễn Thị Bích T2. Sau khi nhận hồ sơ vay tiền từ T chị T2 đến xác minh nơi ở, chụp ảnh tại nhà của T mà không trực tiếp vào Tiểu đoàn A để gặp Chỉ huy đơn vị xác minh đối với Đào Trọng T nên đơn vị và chị T2 không biết được việc T đã làm giả 02 giấy tờ trên. Căn cứ vào hồ sơ, chị Nguyễn Thị Bích T2 báo cáo kết quả cho anh Nguyễn Tiến P là Phó trưởng ban khách hàng của Ngân hàng Y1 để thẩm định lại và xác định Đào Trọng T đủ điều kiện vay tín chấp nên đã trình lên ông Nguyễn Thiện B1 - Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Y1 phê duyệt hồ sơ vay vốn của Đào Trọng T và ký hợp đồng tín dụng, giải ngân tiền vay cho Đào Trọng T.

Ngày 25/11/2016 chị Nguyễn Thị Bích T2 thông báo cho Đào Trọng T đến Ngân hàng Y1 - Chi nhánh Y để ký hợp đồng tín dụng số KTS 11216/24/HĐTD và Khế ước nhận nợ vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 25/11/2016 đến 25/11/2021 và định kỳ hàng tháng phải trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Việc giải ngân được thực hiện gửi vào một tài khoản Ngân hàng của một đối tác của T thể hiện mục đích vay vốn để thực hiện một giao dịch kinh tế. Để hợp thức việc này, Đào Trọng T đã ký hợp đồng mua bán số 19112016/HĐMB ngày 19/11/2016 với chị Bùi Thị L1 có HKTT tại thôn H2, xã Đ, thị xã S, Thành phố Hà Nội để mua đồ gia dụng của

chị L1 với tổng số tiền hàng là 146.000.000 đồng, đã trả 46.000.000 đồng còn thiếu 100.000.000 đồng và T trả cho L1 qua hợp đồng vay số tiền 100.000.000 đồng trên. Nhưng thực tế giữa Đào Trọng T và Bùi Thị L1 không mua bán hàng hóa gì với nhau.

Số tiền 100.000.000 đồng được Ngân hàng gửi vào số tài khoản 79894575 Ngân hàng L2 - Chi nhánh L3 mang tên Bùi Thị L1, sau đó chị Bùi Thị L1 chuyển lại cho T số tiền 93 triệu đồng, còn T cho chị L1 số tiền 7 triệu đồng. Tuy nhiên, Bùi Thị L1 phủ nhận việc này, L1 khẳng định giữa L1 và T có hợp đồng mua bán hàng hóa thật với nhau mà không ký hợp đồng hợp thức cho T để được Ngân hàng giải ngân vay vốn.

Sau khi lấy được tiền, đến kỳ hạn đầu tiên vào ngày 25/12/2016, Đào Trọng T đã trả nợ cho Ngân hàng Y số tiền là 2.879.375 đồng. Đến ngày 02/01/2017, vì lý do sức khỏe và hoàn cảnh gia đình nên Đào Trọng T đã làm đơn xin ra quân. Đến ngày 17/02/2017 Đào Trọng T phục viên theo quyết định số 02/QĐX-ĐA của Bộ C- QĐNDVN và rời khỏi nơi cư trú, không liên hệ với Ngân hàng. Ngày 08/10/2019, ông Phùng Ngọc D- Giám đốc Ngân hàng Y - Chi nhánh Y1 đã có đơn tố giác và đề nghị khởi tố Đào Trọng T có hành vi làm giả hồ sơ vay vốn tiêu dùng của Ngân hàng số liên 100.000.000 đồng, từ 25/11/2016 đến năm 2019 chưa trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành làm việc với đồng chí Bùi Đức T4-Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn A, Lữ đoàn B - Bộ C xác định Đào Trọng T không báo cáo với đơn vị về việc làm hồ sơ vay đề nghị vay vốn Ngân hàng Y và làm việc với các đồng chí Nguyễn Như T3, Chính trị viên Tiểu đoàn A (trước đây là Chính trị viên phó) và đồng chí Bùi Văn H1 - Phó Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn A xác định chữ ký xác nhận trong hồ sơ vay vốn của Đào Trọng T gồm: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ (*có chữ ký đứng tên 4/ Nguyễn Như T3*), Đơn xin xác nhận (thu nhập) ngày 09/11/2016 (*có chữ ký đứng tên 1// Bùi Văn H1*) không phải chữ ký của các đồng chí Nguyễn Như T3 và Bùi Văn H1. Hai đồng chí này cũng không biết gì về việc Đào Trọng T làm thủ tục hồ sơ vay vốn Ngân hàng Y.

Tại phiên tòa bị cáo Đào Trọng T thừa nhận hành vi như nội dung nêu trên.

Người làm chứng Nguyễn Thị Bích T2 và Nguyễn Tiến P đều có lời khai: Vào đầu tháng 11/2016, Đào Trọng T liên hệ với chị T2 là chuyên viên khách hàng của Phòng khách hàng thuộc Ngân hàng Y - Chi nhánh Y1 để vay tiền. Chị T2 yêu cầu và T đã cung cấp một số thông tin cá nhân: Chứng minh thư nhân dân, Chứng minh thư sĩ quan, quyết định thăng quân hàm, cấp bậc lương, thông tin nơi ở, nơi công tác. Sau khi xem xét chị T2 thông báo cho T biết có thể vay được 100.000.000 đồng bằng tín chấp T đồng ý. Chị T2 đã đến nhà ở của T chụp ảnh để làm hồ sơ vay vốn. Chị T2 đưa cho T, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ và Đơn xin xác nhận (theo mẫu của Ngân hàng) và bảo T về xin xác nhận của đơn vị công tác vào hai tài liệu này mới được vay tiền. Một ngày sau T gọi điện hẹn chị T2 đến cổng Tiểu đoàn A, Lữ đoàn B - Bộ C và đưa cho chị T2 hai giấy tờ trên có xác nhận của chỉ huy đơn vị và có đóng dấu đỏ. Sau khi hoàn thiện hồ sơ chị T2 báo cáo với anh Nguyễn Tiến P là Phó phòng khách hàng, anh P kiểm tra hồ sơ thấy đủ điều kiện cho

vay nên anh P ký đề xuất phê duyệt khoản vay lên cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi được lãnh đạo phê duyệt, chị T2 gọi cho T ra Ngân hàng ký kết hợp đồng và nhận tiền giải ngân. Ngày 25/11/2016, T ký hợp đồng tín dụng số KTS 11216/24/HĐTD và Khế ước nhận nợ vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 25/11/2016 đến 25/11/2021 và định kỳ hàng tháng phải trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Theo quy định của Ngân hàng thì việc vay tiền của T không được giải ngân trực tiếp mà giải ngân qua bên thứ ba để chứng minh mục đích vay tiền. T cung cấp hợp đồng mua bán đồ gia dụng của chị Bùi Thị L1 với tổng số tiền hàng là 146.000.000 đồng, đã trả 46.000.000 đồng còn thiếu 100.000.000 đồng. Chị T viết chuyển tiền giải ngân đưa cho T ký và chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản L2 của chị L1.

Người làm chứng Bùi Thị L1 có lời khai trước cơ quan điều tra: Tôi có bán cho anh T các đồ đạc gồm bộ bàn ghế, bộ tủ kệ ti vi, giường gỗ và bếp ga với tổng giá trị là 146.000.000 đồng, T trả 46.000.000 đồng. T làm hợp đồng mua bán với tôi với nội dung trả 46.000.000 đồng còn 100.000.000 đồng sẽ thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của tôi, sau đó Ngân hàng đã giải ngân số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của tôi. Tôi không biết Đào Trọng T làm giả tài liệu để lừa đảo tiền của Ngân hàng để trả cho tôi.

Đại diện theo ủy quyền lại của đại diện theo ủy quyền của bị hại tại phiên tòa có lời khai: Ngày 25/11/2016, Ngân hàng Y đã ký hợp đồng tín dụng số KTS 11216/24/HĐTD với Đào Trọng T và cùng ngày 2 bên cùng ký khế ước KTS 11216/24/KU-01 kèm theo lịch trả nợ hàng tháng mà T phải trả. T đã trả nợ kỳ 25/12/2016 và sau kỳ đầu tiên đến kỳ tiếp theo thì phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện đôn đốc T trả nợ nhưng T không trả nên đã gửi các công văn đến Tiểu đoàn A, Lữ đoàn B - Bộ C nhờ Cơ quan hỗ trợ, đôn đốc T trả nợ. Khi làm việc với Tiểu đoàn A, Lữ đoàn B - Bộ C được biết toàn bộ hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc xác nhận của đơn vị trong hồ sơ vay vốn do T giả mạo nhằm chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng.

Tại phiên tòa người làm chứng Nguyễn Như T3 có lời khai: năm 2016, tôi là Chính trị viên phó của Tiểu đoàn A, Lữ đoàn B - Bộ C. Đào Trọng T là Trung đội trưởng thuộc Tiểu đoàn A là cấp dưới của tôi. Trong năm 2016 T không báo cáo hay xin chữ ký của tôi để vay tiền Ngân hàng. Đến tháng 3/2017, đại diện Ngân hàng đến làm việc với đơn vị lúc này T đã phục viên thì tôi mới biết T vay tiền của Ngân hàng. Giấy có chữ ký mực màu xanh, đóng dấu tròn đỏ Tiểu đoàn A, Lữ đoàn B - Bộ C và đóng dấu tên 4/ Nguyễn Như T3, tôi khẳng định chữ ký trong tài liệu này là không phải của tôi.

Lời khai của người làm chứng Bùi Văn H1 tại phiên tòa: Năm 2016, tôi giữ chức vụ Phó Tiểu đoàn trưởng kiêm Tham mưu trưởng Tiểu đoàn A, Lữ đoàn B - Bộ C. Trong thời gian Đào Trọng T công tác tại Tiểu đoàn T chưa bao giờ báo cáo xin xác nhận của tôi để làm hồ sơ vay tiền Ngân hàng. Sau khi xem Đơn xin xác nhận ngày 09/11/2016 của T có chữ ký xác nhận của 1/ Bùi Văn H1 tại mục xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác, tôi khẳng định đây không phải là chữ ký của tôi.

Ngày 30/9/2019, Ngân hàng Y - Chi nhánh Y1 có công văn số 59/2019/LienVietPostBank.ST đề nghị Công an thị xã Sơn Tây khởi tố Đào Trọng T về tội làm giả hồ sơ để vay vốn Ngân hàng.

Kết luận giám định số 7900/KLGD-PC09-Đ4 ngày 18/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội: Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đào Trọng T (dưới chữ ký) trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A6); Chữ ký tại góc bên trái cuối trang (từ trang 1 đến trang 5) trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3); Chữ ký tại góc bên trái cuối trang 1 trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A6) với chữ ký, chữ viết đứng tên Đào Trọng T trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) **là chữ do một người ký và viết ra.**

Chữ ký đứng tên Bùi Văn H1 trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2) với chữ ký đứng tên Bùi Văn H1 trên mẫu so sánh (Ký hiệu M4) **Không phải là chữ do một người ký ra.**

Chữ ký đứng tên Nguyễn Như T3 trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2) với chữ ký đứng tên Nguyễn Như T3 trên mẫu so sánh (Ký hiệu M5) **Ký khác dạng nên không tiến hành giám định.**

Kết luận giám định số 1679/C09-P5 ngày 13/04/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an: Hình dấu tròn có nội dung “TIỂU ĐOÀN A” trên các mẫu giám định ký hiệu A1, A2 so với dấu tròn cùng có nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M6 do cùng một con dấu đóng ra.

Hợp đồng tín dụng số KTS11216/24/HĐTD và khế ước nhận nợ ngày 25/11/2016, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 25/11/2016 đến 25/11/2021 với số tiền 100.000.000 đồng. Hợp đồng mua bán số 19112016/HĐMB ngày 19/11/2016 với chị Bùi Thị L1 và giải ngân khoản vay 100.000.000 đồng vào tài khoản số 79894575 của chị L1 tại Ngân hàng L2 - Chi nhánh L3.

Tại bản Cáo trạng số 321/CT- VKSQSKVTĐHN ngày 21 tháng 12 năm 2020, Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội đã truy tố bị cáo Đào Trọng T về các tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo Đào Trọng T về các tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341, các điểm s, v khoản 1 và Điều 38 BLHS xử phạt Đào Trọng T từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, các điểm s, b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt Đào Trọng T từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” . Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

- Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Đào Trọng T phải bồi thường cho Ngân hàng Y với tổng số tiền là: 100.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường và nộp cho Cơ quan điều tra và ngày 04/6/2020 Cơ quan điều tra - Công an thị xã Sơn Tây, Hà Nội đã giao lại cho bị hại và bị cáo đã nộp số tiền còn lại cho Phòng thi hành án BTM để bồi thường cho bị hại với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, đại diện theo ủy quyền lại của đại diện theo ủy quyền của bị hại không có ý kiến gì về vấn đề bồi thường, đề nghị ghi nhận.

- Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đào Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo Đào Trọng T không có ý kiến và tranh luận gì với kiểm sát viên.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền lại của đại diện theo ủy quyền của bị hại có ý kiến, đã nhận tổng số tiền là 92.879.375 đồng, yêu cầu T bồi thường tiếp số tiền còn lại là 7.120.625 đồng và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết biết được hành vi vi phạm pháp luật của mình và rất ân hận với việc làm của mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây, Kiểm sát viên; Tòa án nhân thị xã Sơn Tây, Thẩm phán; Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện theo ủy quyền lại của đại diện theo ủy quyền của bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đào Trọng T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 11/2016, Đào Trọng T đã lấy dấu tròn của Tiểu đoàn A, Lữ đoàn B - Bộ C và dấu tên của hai đồng chí Nguyễn Như T3 và Bùi Văn H1 đóng lên 02 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ghi ngày 22/11/2016 và Đơn xin xác nhận ngày 09/11/2016 rồi tự mình ký giả chữ ký của Nguyễn Như T3 và Bùi Văn H1 lên hai giấy tờ này. Sau đó sử

dụng 02 giấy tờ này hoàn thiện hồ sơ, lừa dối nhân viên Ngân hàng Y - Chi nhánh Y1 chiếm đoạt 100.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tiền, Đào Trọng T đã sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Đào Trọng T đã có hành vi gian dối làm làm giả các giấy tờ của Tiểu đoàn A, Lữ đoàn B - Bộ C để chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của Ngân hàng Y bằng hình thức vay vốn. Vì vậy, hành vi của bị cáo Đào Trọng T đã cấu thành tội: *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”* với các tình tiết định khung tăng nặng: *“Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác”* theo điểm c khoản 2 Điều 341 BLHS và tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* với tình tiết định khung tăng nặng: *“Chiếm đoạt tài sản trị giá 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”* theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ. HĐXX xét thấy, hành vi của bị cáo sử dụng tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết định khung tăng nặng: *“Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng”* theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng tính chất của vụ án là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ đó là xâm phạm đến hoạt động trật tự quản lý hành chính, đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan Nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, tổ chức và cá nhân; xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác và làm ảnh hưởng đến uy tín của Lữ đoàn B - Bộ C.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đào Trọng T đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo được tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen và Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì, Ba, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* và *“Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác”* theo quy định tại các điểm s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho cả hai tội nêu trên.

Đối với tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*, bị cáo đã trả một phần và nộp tiền cho các cơ quan pháp luật để bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: *“Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Ngoài ra HĐXX cũng xem xét bản thân bị cáo là Sĩ quan có thời gian dài phục vụ trong Quân đội, bố đẻ của bị cáo được Bộ trưởng BQP tặng Bằng khen và xem xét đến điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khi quyết định hình phạt.

HĐXX xét thấy bị cáo Đào Trọng T, tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; nhưng bị cáo phải chịu 02 tình tiết định khung tăng nặng của tội: *“làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”* và chịu 01 tình tiết định khung tăng nặng của tội: *“Lừa*

đảo chiếm đoạt tài sản”, nên cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa chung.

[5] Đối với Nguyễn Thị Bích T2 và các nhân viên Ngân hàng Y, trong quá trình xét duyệt hồ sơ vay vốn của Đào Trọng T không biết trong hồ sơ có 02 loại giấy tờ giả trên do bị cáo T làm nên đã duyệt thông qua và giải ngân 100.000.000 đồng cho T. Chị Bùi Thị L1 không biết Đào Trọng T làm giả 02 loại giấy tờ trên để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng Y nên đã để Ngân hàng Y giải ngân số tiền T vay vào tài khoản của mình. HĐXX xét thấy, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này đối với những hành vi nêu trên là có cơ sở.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Đào Trọng T phải bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho Ngân hàng Y với tổng số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 25/12/2016 bị cáo đã trả nợ cho Ngân hàng Y - Chi nhánh Y1 số tiền 2.879.375 đồng; ngày 12/3/2020 và ngày 17/5/2020 bị cáo nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Sơn Tây với tổng số tiền là 90.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại và ngày 04/6/2020 đại diện của bị hại đã nhận lại số tiền này; ngày 12/3/2021 bị cáo nộp cho Phòng Thi hành án BTTM số tiền 7.120.625 đồng để khắc phục hậu quả. Như vậy bị cáo đã trả và nộp tổng số tiền là 100.000.000 đồng để bồi thường cho Ngân hàng Y, nên xét thấy cần ghi nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Đào Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Đào Trọng T** phạm tội: *“làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”* và tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*;

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đào Trọng T 26 (hai mươi sáu) tháng tù về tội: *“làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”* và 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo Đào Trọng T phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 50 (năm mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận bị cáo Đào Trọng T đã bồi thường xong cho bị hại với tổng số tiền là: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng (Ngân hàng Y đã nhận 92.879.375

đồng; số tiền 7.120.625 đồng bị cáo đã nộp cho Phòng thi hành án BTTM vào ngày 12/3/2021 để bồi thường cho Ngân hàng Y).

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc bị cáo Đào Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/3/2021) đối với bị cáo và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm lên Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội./.

Nơi nhận:

- VKSQSQTĐHN;
- VKSQSKVTĐHN;
- Phòng THA-BTTM;
- CQCSĐT Công an thị xã Sơn Tây, HN;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Thủ đô HN;
- Bị cáo Đào Trọng T;
- Bị hại, đại diện theo ủy quyền của bị hại;
- Lưu: HS, THA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

3// Trần Thanh Bài